TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 48/2026/QĐST-HNGĐ	*Tuyên Quang, ngày 27 tháng 5 năm 2026*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 43/2026/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2026, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Vàng Thị M; sinh năm 2000; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CC: 002300001319 do BCA cấp ngày 10/01/2025; địa chỉ: Thôn H, xã K, tỉnh Tuyên Quang.

- Bị đơn: Anh Già Mí V, sinh năm 1996; dân tộc: Mông; nghề nghiệp: Lao động tự do; số CCCD: 002096001752 do Cục C - BCA cấp ngày 01/5/2021; địa chỉ: Thôn H, xã K, tỉnh Tuyên Quang.

Căn cứ vào Điều 147; Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55; Điều 57; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ khoản 1 Điều 6; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19/5/2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19/5/2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vàng Thị M và anh Già Mí V.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Vàng Thị M và anh Già M1 V nhất trí thuận tình ly hôn. (Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 102 ngày 22/7/2019 của Ủy ban nhân dân xã C, huyện M, tỉnh Hà Giang; nay là xã K, tỉnh Tuyên Quang).

- Về con chung: Chị M, anh V xác nhận có 02 con chung là Già Minh P, sinh ngày 08/4/2016 và Già Thị S, sinh ngày 01/6/2019. Sau khi ly hôn anh V là người trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con Già Minh P và Già Thị S cho đến khi đủ 18 tuổi; chị M không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thời điểm giao con kể từ khi Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Việc nuôi con và không cấp dưỡng nuôi con là không cố định.

- Về tài sản chung, công nợ chung: Chị M, anh V xác nhận không có, vợ chồng không nợ ai, không ai nợ vợ chồng, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Miễn nộp toàn bộ tiền án phí dân sự sơ thẩm cho chị Vàng Thị M và anh Già M1 V.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án và người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- VKSND KV8, tỉnh Tuyên Quang;
- Các đương sự;
- UBND xã K, tỉnh Tuyên Quang;
- THADS tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu hồ sơ vụ án, VT.

THẨM PHÁN

Đoàn Ngọc Vĩnh